



ĐIỂM TIN | VFM

THÁNG 02/2009

GIỚI THIỆU VFM

Công ty VietFund Management là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam chuyên thực hiện quản lý các quỹ đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước.

Trong năm 2008, dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư được công ty VietFund Management tập trung triển khai cho các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân, các tổ chức tài chính lớn trong và ngoài nước. VFM có đội ngũ quản lý kinh nghiệm lâu năm và khả năng hoạch định các giải pháp đầu tư chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý tài sản này.

Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, các chuyên gia tư vấn tài chính của VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích những biến động của thị trường, đồng thời tiến hành nghiên cứu tổng thể và nhạy bén điều chỉnh các cơ cấu danh mục. Từ đó nhiều cơ hội đầu tư mới mở ra và mang lại kết quả tối ưu cho nhà đầu tư.

Hãy dành thời gian để tận hưởng cuộc sống của riêng mình – tài sản mà bạn giao phó đã được chúng tôi quản lý một cách chuyên nghiệp nhất và bạn hoàn toàn yên tâm vì điều đó.



Trụ sở chính:
Lầu 10, Cao ốc Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489 |
Hotline: +84 8 3825 1480

Chi nhánh tại Hà Nội:
Phòng 1208, Tầng 12 Toà nhà Pacific Place
83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

Website: www.vinafund.com

MỤC TIÊU CỦA QUỸ

Quỹ đầu tư VF1 tập trung đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.

THÔNG TIN SƠ LƯỢC VỀ QUỸ

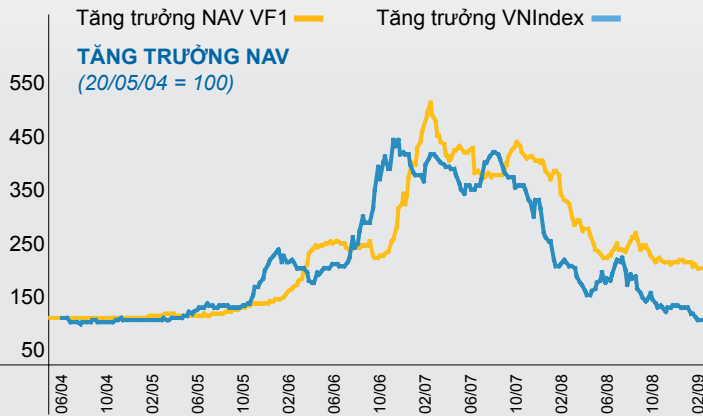
Tên Quỹ	: Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam	Thời hạn hoạt động	: 10 năm kể từ ngày thành lập
Hình thức Quỹ	: Quỹ công chúng dạng đóng	Ngân hàng giám sát	: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
Tên viết tắt	: Quỹ đầu tư VF1	Công ty kiểm toán	: Ernst & Young Vietnam Ltd.
Mã giao dịch	: VFMVF1, niêm yết tại HoSE	Chính sách cổ tức	: Hàng năm, căn cứ trên lợi nhuận thực hiện và được sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư Thường niên
Vốn điều lệ hiện tại	: 1.000 tỷ đồng	Phí	: Phí quản lý: 2%/NAV/năm Phí giám sát & lưu ký: 0,12%/NAV/năm Thường hoạt động (chi tiết được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ).
Mệnh giá	: 10.000 đồng/đơn vị quỹ		
Ngày thành lập	: 20/05/2004		

TÌNH HÌNH GIAO DỊCH & HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ TRONG THÁNG 2/2009

Trong tháng 2/2009, mặc dù tổng khối lượng giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 khoảng hơn 5 triệu đơn vị, tăng 15% so với tổng khối lượng đã giao dịch trong tháng 1/2009, nhưng tổng giá trị trong tháng 2 lại thấp hơn do sự sụt giảm của thị trường và của chứng chỉ quỹ. Kết thúc phiên giao dịch cuối tháng, giá đóng cửa của chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 là 6.900 đồng/đơn vị, và chiết khấu giữa giá giao dịch và tài sản ròng của Quỹ là -55%.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	28/02/2009			Tăng trưởng (%)				Từ khi hoạt động (20/05/2004)
	Quy mô (Tỷ đồng)	NAV (Tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	
VF1	1.000	1.548,0	15.480	(7,5)	(8,2)	(29,5)	(17,7)	54,8
VN-Index				(19,0)	(21,9)	(54,4)	(40,7)	(6,1)
HASTC-Index				(16,0)	(19,4)	(56,4)	(29,6)	(16,0)



Kết thúc tháng 2/2009, NAV VF1 đạt 1.548,0 tỷ đồng tương đương 15.480 đồng/chứng chỉ quỹ và ghi nhận mức giảm 7,5% so với tháng 1/2009. So với mức giảm trong cùng thời kỳ của VN-Index và Hasc-Index, mức giảm của NAV VF1 chỉ bằng 0,4x VN-Index và bằng 0,5x Hasc-Index.

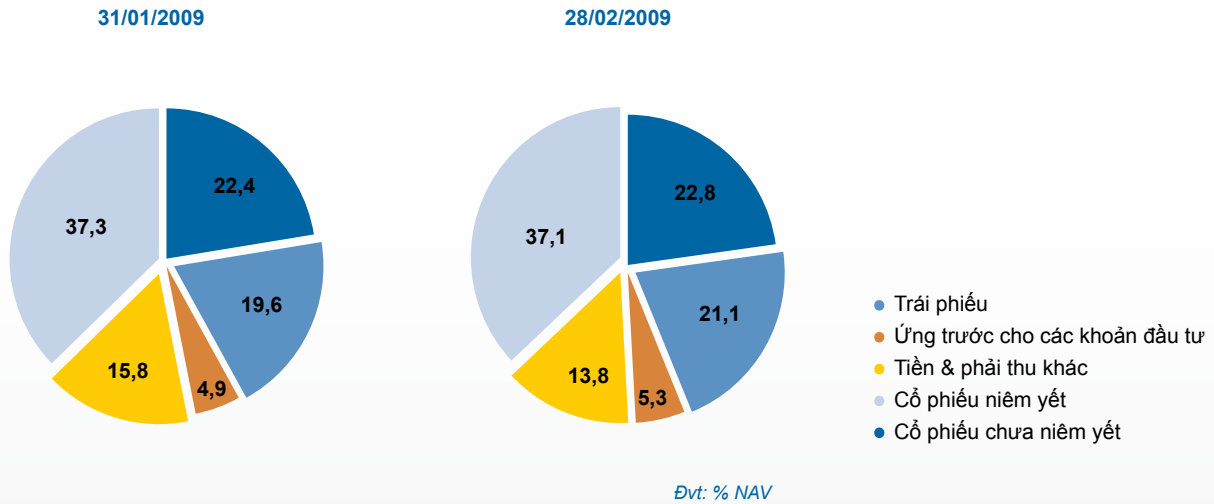
Lũy kế đến tháng 2/2009 so với đầu năm, mức giảm của NAV VF1 là 8,8% trong khi đó mức giảm của VN-Index là 22,1% và của Hasc-Index là 20,1%.

Tăng trưởng NAV	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm	
2009	(1,4)	(7,5)											(8,8)	(42,4)	
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)	
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)(*)	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1(*)	46,1(*)	
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)(*)	15,2	31,0	175,1(*)	175,1(*)	
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2	
2004							1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

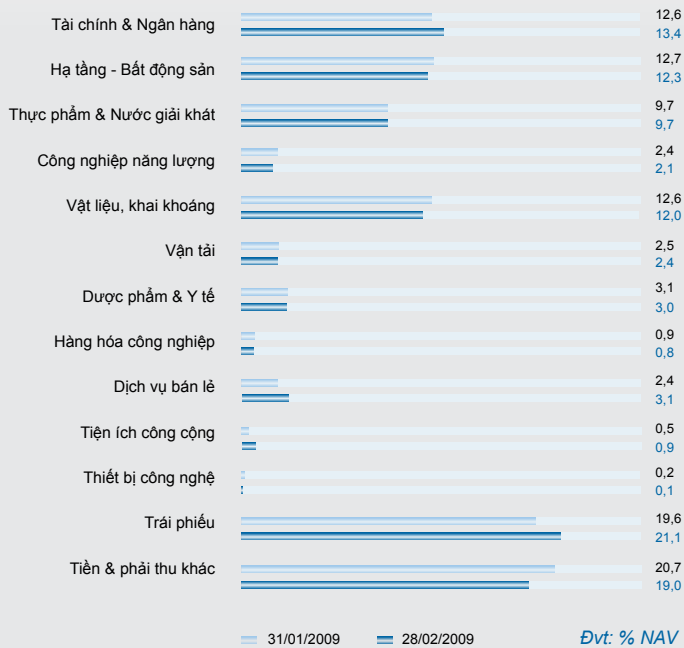
(*): tính trên vốn bình quân

Phân bổ tài sản

Cơ cấu tài sản phân bổ trong danh mục đến tháng 2/2009 không có nhiều thay đổi so với tháng 1/2009, tuy nhiên, tỷ lệ tiền mặt đến tháng 2/2009 giảm 2% do thực hiện giải ngân trong kỳ.



Cơ cấu danh mục đầu tư



Cơ cấu ngành đến ngày 28/02/2009 ghi nhận một vài thay đổi nhỏ trong tỷ trọng ngành: ngành Ngân hàng tăng 0,8%, Dịch vụ bán lẻ tăng 0,7%, ngành Tiện ích công cộng tăng 0,4%, ngành Vật liệu – khai khoáng giảm 0,6%, Hạ tầng –bất động sản giảm 0,4% so với tháng 1/2009.

Đến cuối tháng 2/2009, 4 ngành chủ đạo trong danh mục vẫn là ngân hàng, bất động sản, thực phẩm nước giải khát và vật liệu khai khoáng với tổng giá trị chiếm 47,4% giá trị tài sản ròng (so với tháng 1/1009 là 47,6%). Cơ cấu trái phiếu, tiền và tài sản khác tiếp tục duy trì trên 40% giá trị tài sản ròng trong danh mục.

MỤC TIÊU CỦA QUỸ

Quỹ đầu tư VF4 hướng tới sự tăng trưởng tài sản dài hạn và tối thiểu hóa rủi ro bằng cách đầu tư vào quá trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm, và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.

THÔNG TIN SƠ LƯỢC VỀ QUỸ

Tên Quỹ	: Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam	Thời hạn hoạt động	: 10 năm kể từ ngày thành lập
Hình thức Quỹ	: Quỹ công chứng dạng đóng	Ngân hàng giám sát	: Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (HSBC) – C.N. Tp. HCM
Tên viết tắt	: Quỹ đầu tư VF4	Công ty kiểm toán	: KPMG Ltd.
Mã giao dịch	: VFMVF4, niêm yết tại HoSE	Chính sách cổ tức	: Hàng năm, căn cứ trên lợi nhuận thực hiện và được sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư Thường niên.
Tổng vốn điều lệ	: 8.000 tỷ đồng	Phí	: Phí quản lý: 2%/NAV/năm
Vốn điều lệ hiện tại	: 806,46 tỷ đồng		: Phí giám sát & lưu ký: 0,065%/NAV/năm
Mệnh giá	: 10.000 đồng/đơn vị quỹ		: Thường hoạt động (chi tiết được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ)
Ngày thành lập	: 28/02/2008		

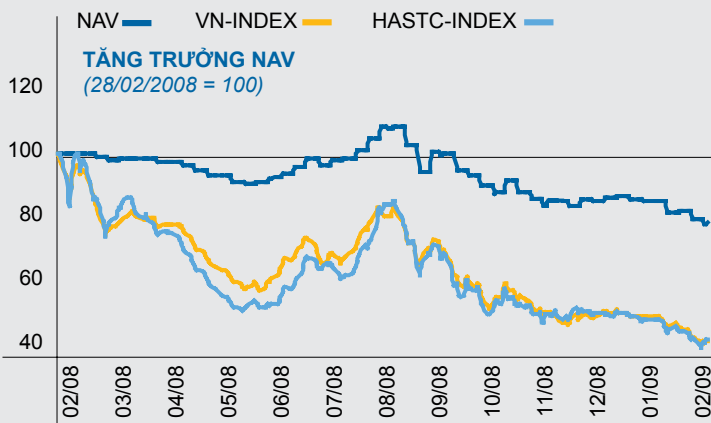
TÌNH HÌNH GIAO DỊCH & HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ TRONG THÁNG 02/2009

Trong tháng 02, kinh tế và thị trường chứng khoán thế giới tiếp tục phải đối mặt với những bất ổn trong ngắn hạn. Trước tình hình như vậy, kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực khi lượng vốn FDI tăng mạnh so với tháng 01, Nhật Bản nối lại cam kết ODA, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2008... Trong khi đó chính phủ Việt Nam liên tiếp có những động thái nhằm phục hồi tăng trưởng của nền kinh tế. Tuy nhiên, phản ứng của thị trường chứng khoán trong nước vào tháng 02 phần nào cho chúng ta thấy tâm lý bi quan của nhà đầu tư, và hoạt động đầu tư của họ đã bị ảnh hưởng bởi những gì đang diễn ra ở ngoài nước Việt Nam.

Tổng khối lượng giao dịch chứng chỉ Quỹ VF4 trong tháng này giảm so với tháng 01, nhưng vẫn giữ mức khá cao với 3.483.020 đơn vị quỹ, tương đương 15,061 tỷ đồng. Khối nhà đầu tư ngoại tiếp tục mua vào VF4 bằng việc mua ròng 177.560 đơn vị quỹ, tỷ lệ sở hữu của họ vào ngày 27/02/2008 là 40.34%. Trong tháng, giá giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 cao nhất là 4.700 đồng, và thấp nhất là 4.400 đồng.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	28/02/2009			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (Tỷ đồng)	NAV (Tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (28/02/2008)
VF4	806,5	617,6	7.659	(9,0)	(8,7)	(29,8)	(17,5)	(10,2)	(23,4)
VN-Index			245,7	(19,0)	(49,8)	(54,4)	(40,7)	(22,1)	(63,8)
HASTC-Index			84,0	(16,0)	(19,4)	(56,4)	(29,6)	(20,1)	(63,9)

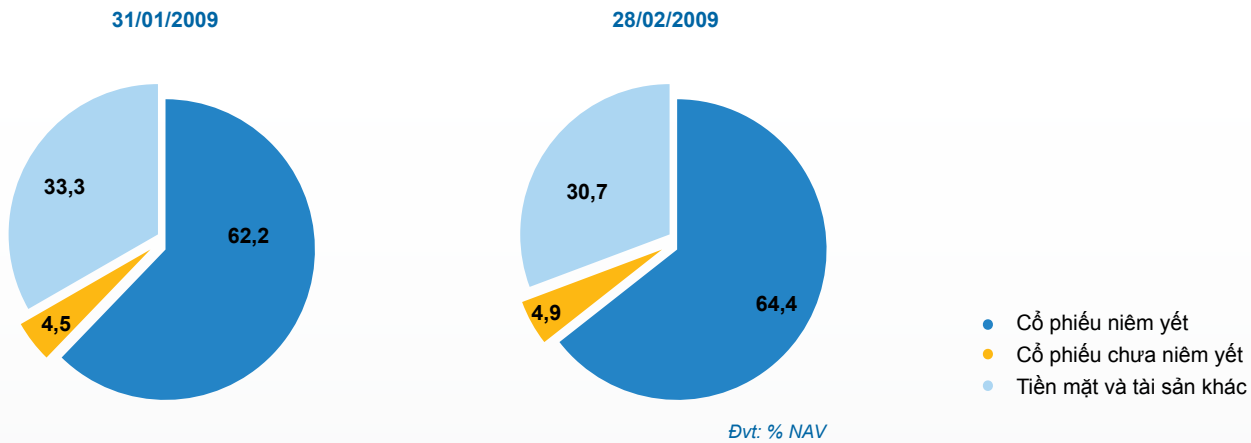


Trong tháng 02/2009, xu hướng đi xuống của thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại và VN-Index giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 3 năm qua. Quỹ đầu tư VF4 cũng không nằm ngoài xu hướng chung này, với mức sụt giảm 9,0% của giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) trong tháng 02/2009, tương đương khoảng 45% - 55% mức giảm của VN-Index và HASTC-Index trong cùng kỳ. Mối tương quan giữa NAV và Index ngày càng lớn hơn với tỷ trọng các khoản đầu tư và tiền mặt đã xoay quanh mức 70:30.

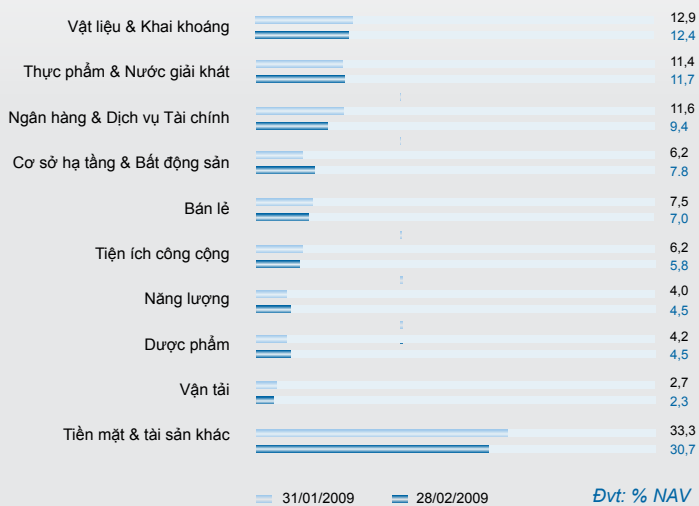
Tăng trưởng NAV	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lũy kế từ đầu năm	Bình quân năm
2009	(1,3)	(9,0)											(10,2)	(47,5)
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

Phân bổ tài sản

Trong tháng 02/2009, Quỹ đầu tư VF4 tiếp tục quá trình xây dựng danh mục trong điều kiện tình hình thị trường thuận lợi cho việc đầu tư cổ phiếu giá hợp lý, với tổng giá trị đầu tư trong tháng đạt 50,4 tỷ đồng, dẫn đến tỷ trọng tiền mặt trong cơ cấu phân bổ tài sản tại ngày 28/02/2009 giảm khoảng 8% còn 30,7% NAV và tăng tương ứng vào cổ phiếu niêm yết lên 64,4%.



Cơ cấu danh mục đầu tư



Với tỷ lệ giải ngân trong tháng 02/2009 vào ngành Cơ sở hạ tầng – Bất động sản và ngành Năng lượng chiếm tổng cộng 45,0% tổng giá trị giải ngân trong tháng, hai ngành này có tỷ trọng NAV tăng nhiều nhất trong tháng 02/2009. Ngành Thực phẩm – Nước giải khát mặc dù tỷ lệ giải ngân không cao (4,0% giá trị giải ngân tháng) nhưng do giá thị trường của cổ phiếu trong ngành này có mức sụt giảm thấp so với các cổ phiếu trong ngành khác nên tỷ trọng NAV của ngành cũng tăng so với tháng trước. Với giá trị thanh toán chiếm 68,2% tổng giá trị thanh toán tháng 02/2009, hai ngành Tiện ích công cộng và ngành Vật liệu – Khai khoáng có tỷ trọng NAV vào cuối tháng 02/2009 giảm so với tỷ trọng vào cuối tháng 01/2009.

Danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 đến ngày 28/02/2009 bao gồm 18 khoản đầu tư, tập trung vào 9 nhóm ngành, trong đó 3 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất (33,5% NAV và 48,4% tổng giá trị đầu tư) bao gồm:

- Vật liệu & Khai khoáng (12,4%),
- Thực phẩm & Nước giải khát (11,7%),
- Ngân hàng & Dịch vụ tài chính (9,4%).



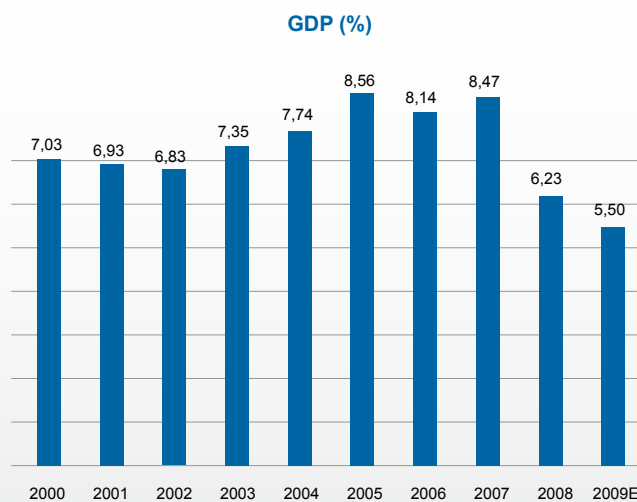
Triển vọng kinh tế

■ Tốc độ tăng trưởng GDP trong Quý I/2009 có thể chỉ đạt ở mức thấp khoảng 4-4,5% khi giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng thấp cùng với sự sụt giảm đầu tư trong những tháng đầu năm 2009. Đây có thể là sự sụt giảm mạnh so với mức tăng trưởng 7,4% trong Quý I/2008 khi mà suy thoái kinh tế ở Mỹ, Nhật Bản và châu Âu có tác động trực tiếp, ảnh hưởng mạnh đến nhu cầu xuất khẩu và đầu tư. Mục tiêu tăng trưởng GDP 2009 ở mức 6,5%, sau khi có sự sụt giảm chỉ còn 6,2% năm 2008 từ mức 8,5% năm 2007. Mục tiêu này khó có thể đạt được trong tình hình khó khăn hiện nay. Chúng tôi kỳ vọng mức tăng trưởng trung bình khoảng 5,5% trong năm 2009.

■ Sức mua của người tiêu dùng tại hai thành phố lớn là Hà Nội và TP. HCM ở mức thấp trong những tháng đầu năm. Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong hai tháng đầu năm 2009 tăng so với cùng kỳ năm 2009 là 20,6%, trong khi đó mức tăng này tương ứng trong năm 2009 là 31,8%.

■ Kim ngạch xuất nhập khẩu có sự cải thiện tốt trong tháng 2, tuy nhiên vẫn cho thấy có sự sụt giảm đáng kể. Kim ngạch xuất khẩu tháng 2/2009 đạt khoảng 4,3 tỷ USD và trong hai tháng đầu năm 2009 đạt tổng cộng 8 tỷ USD, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2008. Tuy nhiên, cũng có một số mặt hàng có sự dịch chuyển mức tăng trưởng khá tốt như gạo, tiêu, điều có mức tăng đáng kể trong hai tháng đầu năm. Trong cùng thời điểm, kim ngạch nhập khẩu tháng 2 đạt 4,4 tỷ USD, nâng mức nhập khẩu trong hai tháng đầu năm 2009 là 7,73 tỷ USD, với mức giảm đáng kể là 43,1% so với cùng kỳ năm 2008. Lần đầu tiên sau nhiều năm có mức thặng dư thương mại sau hai tháng ước tính khoảng 290 triệu USD, chiếm khoảng 3,6% giá trị xuất khẩu. Tuy vậy, còn quá sớm để khẳng định đây là tín hiệu lạc quan, vì xuất khẩu đã giảm và nhập khẩu giảm mạnh, đặc biệt là các mặt hàng nguyên vật liệu dành cho sản xuất.

■ Mới đây, theo một số thông tin từ báo chí trong nước, Chính phủ có thể sẽ chi khoảng 300.000 tỷ đồng (khoảng 17 tỷ USD) trong năm 2009 theo kế hoạch ngân sách, cùng với gói kích cầu 1 tỷ USD đã được triển khai từ tháng 1, nhằm ngăn chặn suy giảm tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. Nguồn chi phí này có thể được sử dụng đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu và tài trợ các dự án xã hội. Mức chi này nằm trong kế hoạch ngân sách khoảng 491.000 tỷ đồng trong năm 2009, với mức tăng hơn 23% so với năm 2008. Chúng tôi kỳ vọng các giải pháp của Chính phủ đưa ra sẽ phát huy tác dụng, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và củng cố niềm tin nhà đầu tư.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, VFM

Kim ngạch xuất khẩu tháng 2 đã cải thiện sau khi sụt giảm mạnh trong tháng 1 và lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam có mức thặng dư thương mại với khoảng 290 triệu USD do nhập khẩu giảm mạnh

■ Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu tháng 2 đạt 4,3 tỷ USD, mức tăng cải thiện đáng kể sau khi có sự sụt giảm mạnh trong tháng 1/2009 chỉ với 600 triệu USD.

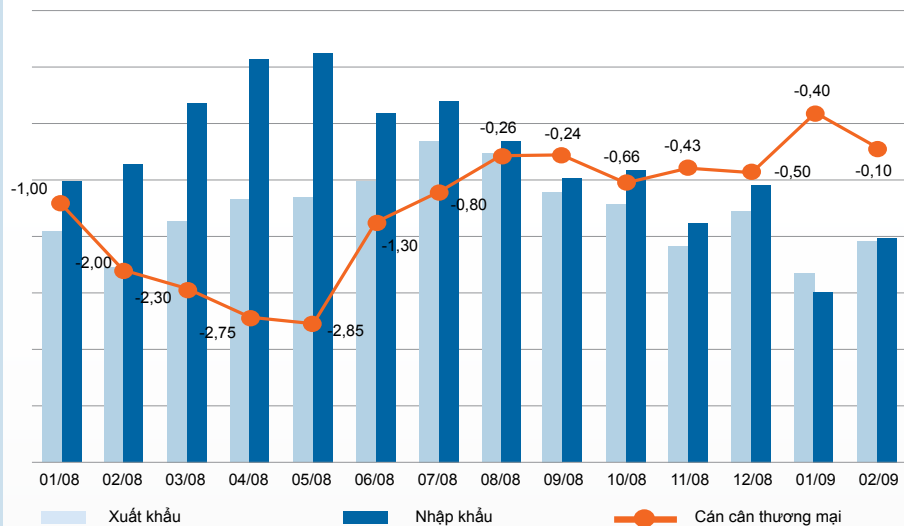
■ Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu cũng có sự dịch chuyển, như các mặt hàng rau quả, điều, cà phê, gạo. Các mặt hàng này có giá trị xuất khẩu trong hai tháng đầu năm 2009 bắt kịp nhịp độ cùng kỳ năm 2008. Đặc biệt, giá trị xuất khẩu gạo đạt 399 triệu USD với số lượng gấp đôi lên đến 919.000 tấn, và chỉ trong tháng 2, mặt hàng gạo xuất khẩu đã mang về 290 triệu USD với số lượng xuất là 650.000 tấn.

■ Ngoài ra, mặt hàng đá quý và kim loại cũng có mức tăng nhảy vọt từ 13 triệu trong tháng 2/2008 lên 800 triệu USD trong tháng 2 này. Tính chung cho cả hai tháng đầu năm 2009, giá trị xuất khẩu của nhóm mặt hàng này có sự dịch chuyển mạnh và đóng góp 939 triệu USD, với mức tăng 3.152% so với cùng kỳ năm 2008.

■ Tuy vậy, vẫn còn hầu hết các mặt hàng còn lại tiếp tục khuynh hướng sụt giảm trong hai tháng đầu năm 2009 như dầu thô chỉ mang về khoảng 500 triệu USD, so với mức 790 triệu USD trong tháng 2/2008, mặt hàng may mặc cũng chỉ dừng lại ở mức 550 triệu USD, giảm gần 100 triệu USD so với cùng kỳ năm 2008.



XUẤT NHẬP KHẨU & CÂN CÂN THƯƠNG MẠI (TỶ USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong hai tháng đầu năm 2009, điều đáng ghi nhận và gây ngạc nhiên khi Việt Nam có thặng dư thương mại với 290 triệu USD sau nhiều năm tháng thâm hụt. Phần lớn nhờ vào sự sụt giảm mạnh của các mặt hàng nhập khẩu như sắt thép và xăng dầu, ước tính giảm đến 43,1% so với cùng kỳ với tổng kim ngạch nhập khẩu 7,73 tỷ USD trong khi giá trị xuất khẩu tuy có giảm 5,1% nhưng cũng mang về hơn 8 tỷ USD.

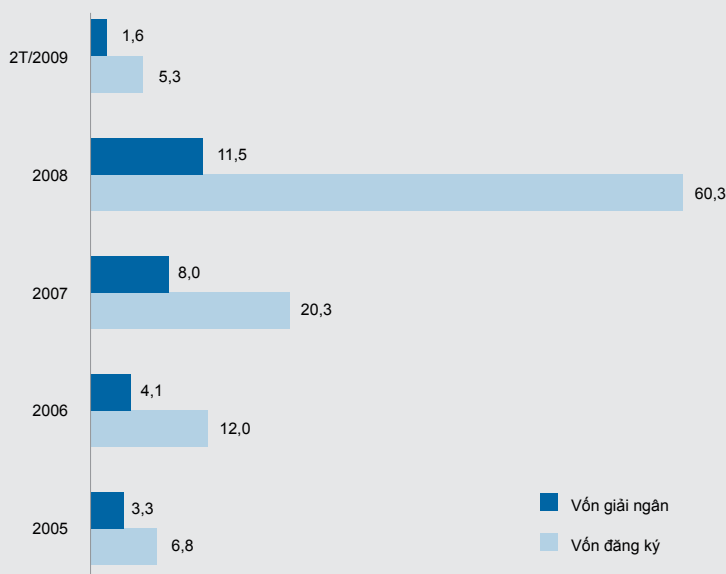
Vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trong tháng 2 tăng hơn 27 lần so với con số trong tháng 1/2009

Vốn đầu tư nước ngoài trong tháng 2/2009 đạt hơn 5 tỷ USD, mức tăng nhảy vọt so với tổng số vốn đăng ký trong tháng 1 chỉ ở mức 185 triệu USD. Trong hai tháng đầu năm 2009, với 60 dự án có mức vốn cam kết ước tính khoảng 1,5 tỷ USD so với mức 160 triệu USD trong tháng 1, tương đương khoảng 83% tổng số các dự án và 60% tổng số vốn đăng ký so với mức cùng kỳ năm 2008.

Đáng chú ý là có 10 dự án hiện tại với số vốn tăng lên vào khoảng 3,8 tỷ USD trong hai tháng đầu năm 2009, với mức tăng gần 30 lần so với tổng số vốn tăng trong tháng 1 là 25 triệu USD.

Theo dự báo của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch & Đầu tư), trong điều kiện cuộc khủng hoảng tài chính thế giới ngày càng lan rộng và có tác động tiêu cực đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của các nước, trong đó có Việt Nam thì khả năng vốn đầu tư nước ngoài thực hiện có thể đạt mức thấp hơn trong năm 2009, dự kiến có thể đạt khoảng từ 9,5 - 12 tỷ USD. Tuy nhiên, triển vọng vốn đăng ký đầu tư trung và dài hạn của Việt Nam hiện vẫn được coi là tốt, ước dòng vốn đăng ký trong hai năm tới sẽ giảm so với năm 2008 nhưng vẫn ở mức cao, khoảng trên 20 tỷ USD/năm.

FDI (TỶ USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê, VFM dự báo

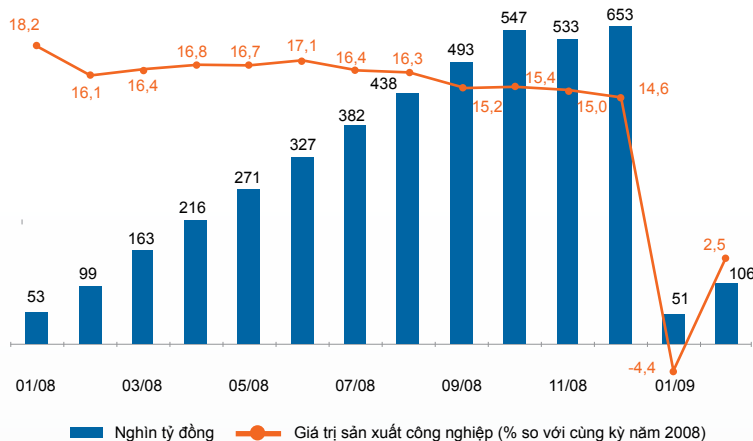


Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 2 có sự cải thiện đáng kể, song vẫn cho thấy có sự sụt giảm tốc độ so với cùng kỳ năm 2008

■ Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, giá trị sản xuất công nghiệp tháng 2/2009 ước tính đạt khoảng 58,2 nghìn tỷ đồng, mức tăng phục hồi khá mạnh so với tháng 1/2009 là 21,6% và so với cùng kỳ năm 2008 là 14,9%. Trong đó, mức tăng tương ứng đối với các khu vực kinh tế nhà nước, tư nhân và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 10,7%, 17,3% và 15,4%.

■ Tuy nhiên, trong hai tháng đầu năm 2009, giá trị sản xuất công nghiệp cộng dồn ước đạt khoảng 106,1 nghìn tỷ đồng, chỉ tăng ở mức thấp 2,5% so với cùng kỳ năm 2008. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước tiếp tục có sự sụt giảm chỉ tăng ở mức 4,4%, trong khi khu vực kinh tế tư nhân và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có mức tăng lần lượt là 6,6% và 3,3% so với cùng kỳ năm 2008.

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



Nguồn: Tổng cục Thống kê

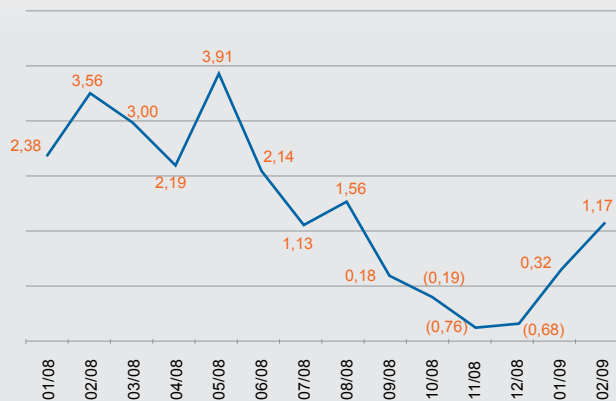
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2 tăng 1,17%

■ So với tháng 1/2009, chỉ số giá tiêu dùng tháng 2 tăng 1,17%, trong khi mức tăng trong tháng 1 chỉ ở mức 0,32%. Trong tháng 2, giá cả thực phẩm tăng mạnh những ngày sau Tết Nguyên đán, và giá cả dịch vụ cũng bị tác động tăng mạnh trở lại, đặc biệt là giá cả dịch vụ khách sạn tăng đến 1,67% so với tháng 1, trong khi đó giá cả ngành hàng ăn uống tăng đến 1,72%, hàng vật liệu xây dựng tăng 1,59%.

■ Tuy nhiên, giá dịch vụ bưu chính, vận tải giảm nhẹ 0,05% và giá dịch vụ vui chơi giải trí cũng giảm 0,07%. Trước đó, nhiều chuyên gia phân tích đã dự báo chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 2 có thể tăng khoảng 1,5% và cho rằng mức lạm phát có thể ở mức tương đồng với cơ chế thị trường trong quá trình phát triển kinh tế. Tuy vậy, chỉ số CPI tháng 2/2009 vẫn thấp hơn mức 3,56% trong tháng 2/2008 và 2,17% tháng 2/2007.

■ Mức tăng chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 3 được dự đoán chỉ tăng nhẹ khoảng 0,3% khi mà giá cả hàng hóa trên toàn cầu vẫn ở mức thấp, nhu cầu tiêu dùng và sức mua không mạnh.

CPI



Nguồn: Tổng cục Thống kê, VFM



VIETFUND MANAGEMENT

Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Ngoài những số liệu báo cáo về tình hình hoạt động của Quỹ và giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác nhận của Ngân hàng giám sát, các thông tin trong báo cáo được viết dựa trên các nguồn thông tin được tin nhiệm tại thời điểm công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

